TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HN&GĐ-ST
Ngày: 05-6-2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Bình;

2/ Ông Nguyễn Văn Thiện.

Thư ký phiên toà: Ông Bùi Chí Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viên kiểm sát nhân dân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 545/2022/TLST-HN&GĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-HN&GĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2023/QĐST-HN&GĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Số 45, đường ĐT 766, thôn 1A, xã TT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Võ Văn T, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Số nhà 33, đường 31, thôn 4, xã TT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và anh T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện Đức Linh vào năm 2007; sau khi kết hôn thì chị L và anh T chung sống hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị L là do sự khác biệt về nhận thức, trình độ văn hóa…..giữa chị và anh T thường xuyên va chạm, cải vã, thiếu tôn trọng lẫn nhau, bên cạnh đó anh T thường xuyên rượu chè say xỉn, gây gỗ chửi bới và đập phá đồ đạc trong nhà làm cho cuộc sống gia đình luôn bất hòa, không an toàn và hạnh phúc; chị L phải quyết định sống ly thân anh T, nay chị L

xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị L và anh T có với nhau 02 con chung tên Võ Nguyễn Ngọc N, sinh năm 2012 và Võ Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 18/01/2017. Chị L yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Đ và đồng ý giao cháu N cho anh T nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn, tuy nhiên bị đơn không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhập yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Ngọc L ly hôn anh Võ Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc L quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Võ Nguyễn Ngọc N, sinh năm 2012 và Võ Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 18/01/2017.

Về tài sản chung và nợ: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc L khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn Võ Văn T; bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại thôn 4, xã TT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ các Điều 51, 56, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và không có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[3.1] Về hôn nhân: Căn cứ bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 79, đăng ký ngày 28/12/2007 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, có căn cứ khẳng định chị L và anh T tự nguyện kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Chị L và anh T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân; sau khi tổ chức lễ cưới thì anh chị sống chung với nhau như vợ chồng được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của chị L là do giữa chị và anh T không hợp nhau về mọi mặt trong đời sống hôn nhân dẫn đến vợ chồng mất hạnh phúc, hay cải vã với nhau, không tôn trọng lẫn nhau và đã ly thân nhau; quá trình hòa giải cũng như tại phiên tòa, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết yêu cầu được ly hôn anh T.

Qua kết quả xác minh đối với Ban điều hành thôn 4, xã TT vào ngày 23/3/2023 thì hiện tại chị L và anh T không còn chung sống như vợ chồng.

Từ những phân tích trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T.

[3.2] Về con chung: Căn cứ bản sao giấy khai sinh số 17, đăng ký ngày 10/02/2017 và giấy khai sinh số 01, đăng ký ngày 07/5/2012; có căn cứ để khẳng định giữa chị L và anh T có với nhau 02 con chung tên Võ Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 03/5/2012 và Võ Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 2017; quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị L yêu cầu được quyền nuôi hai con chung; Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của anh T về vấn đề nuôi con chung.

Tuy nhiên, theo biên bản lấy lời khai lập ngày 23/02/2023 tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, cháu N thể hiện nguyện vọng được sống với chị L sau khi chị L và anh T ly hôn; đây là nguyên vọng chính đáng của con chưa thành niên phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và nhằm đảm bảo quyền được bảo vệ của trẻ em theo Luật trẻ em, Hội đồng xét xử quyết định giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc L quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Võ Nguyễn Ngọc N, sinh năm 2012 và Võ Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 18/01/2017.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận không giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên, vì quyền lợi chính đánh của con chung, chị L có quyền yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3.4] Về tài sản chung và nợ: Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị L về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản và nợ trong vụ án này.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa phù hợp với những nhận định nêu trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc L.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc L ly hôn anh Võ Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 79, đăng ký ngày 28/12/2007 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Đức Linh giữa anh Võ Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc L hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Ngọc L quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung tên Võ Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 03/5/2012 và Võ Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 18/01/2017.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

3. Ghi nhận ý kiến của chị Nguyễn Thị Ngọc L về việc không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải nộp số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo biên lai thu số 0012684 ngày 22/12/2022. Chị Nguyễn Thị Ngọc L đã nộp đủ tiền án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/6/2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- UBND xã TT;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Thuận